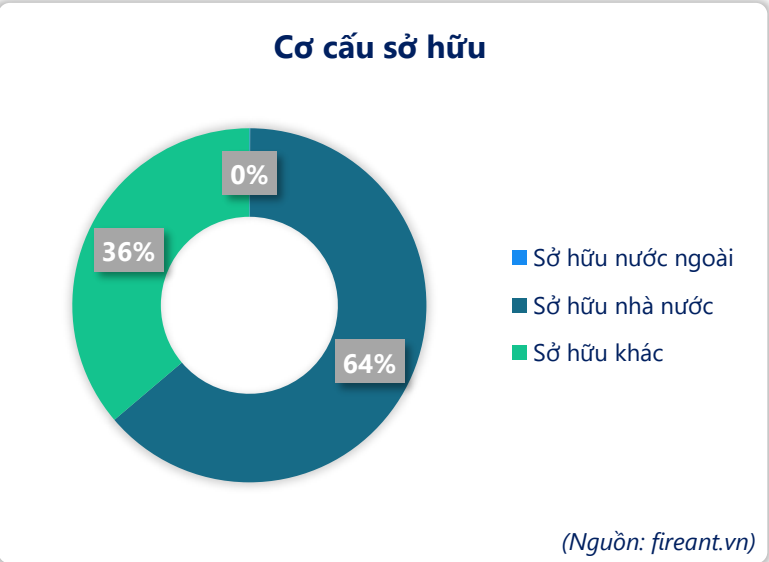
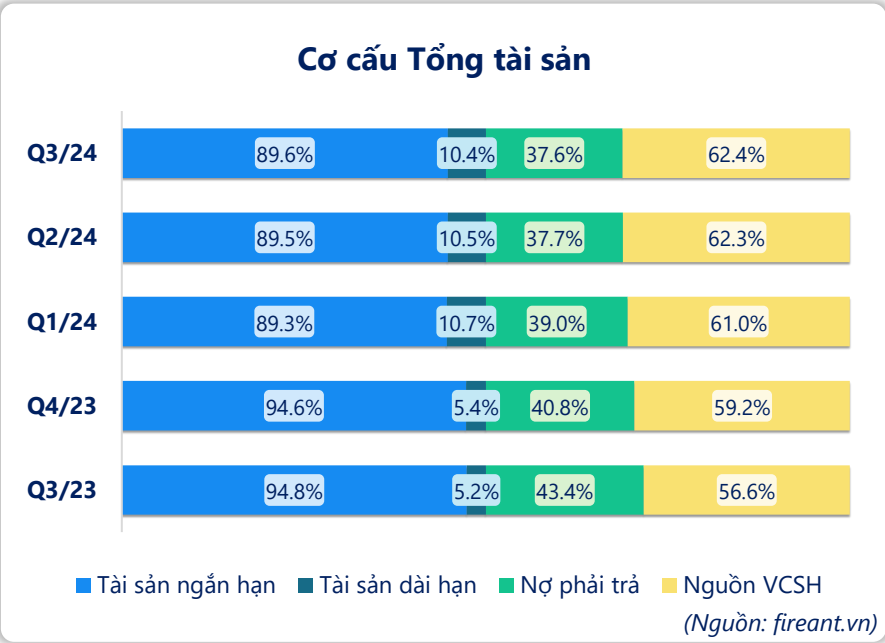
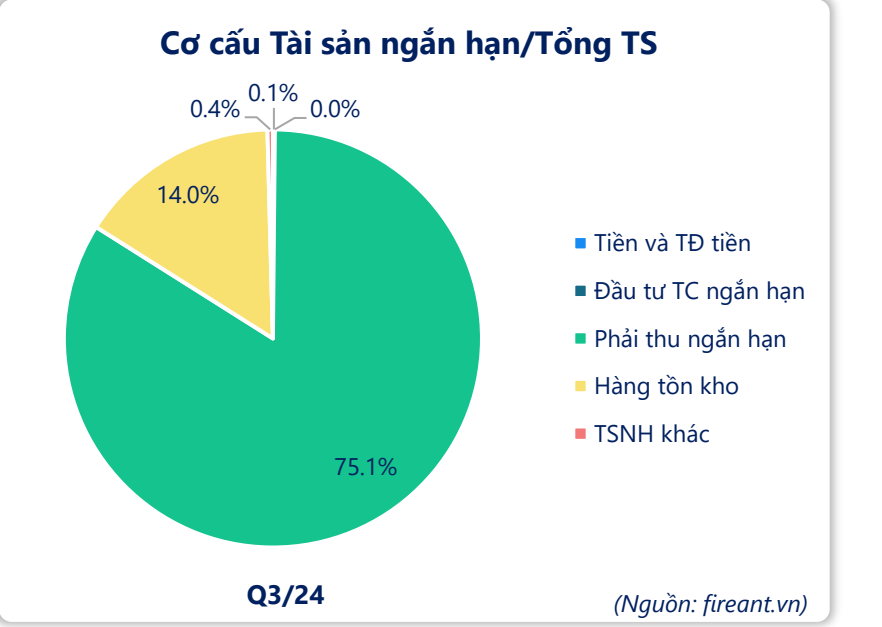
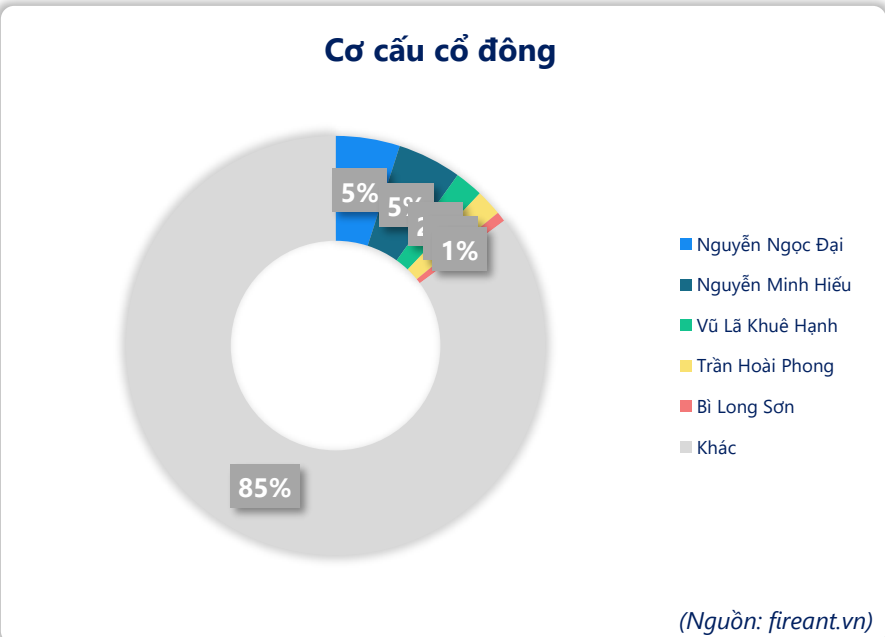
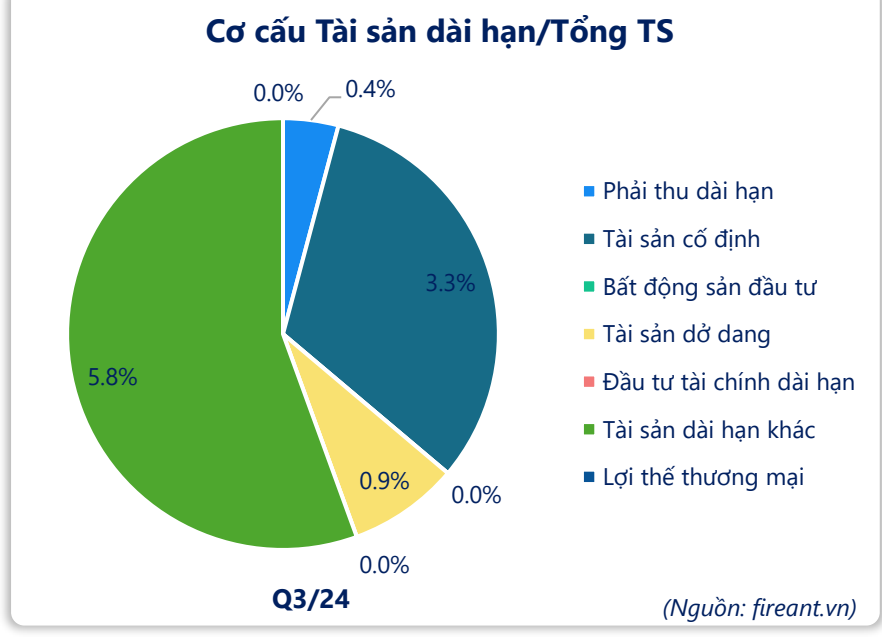
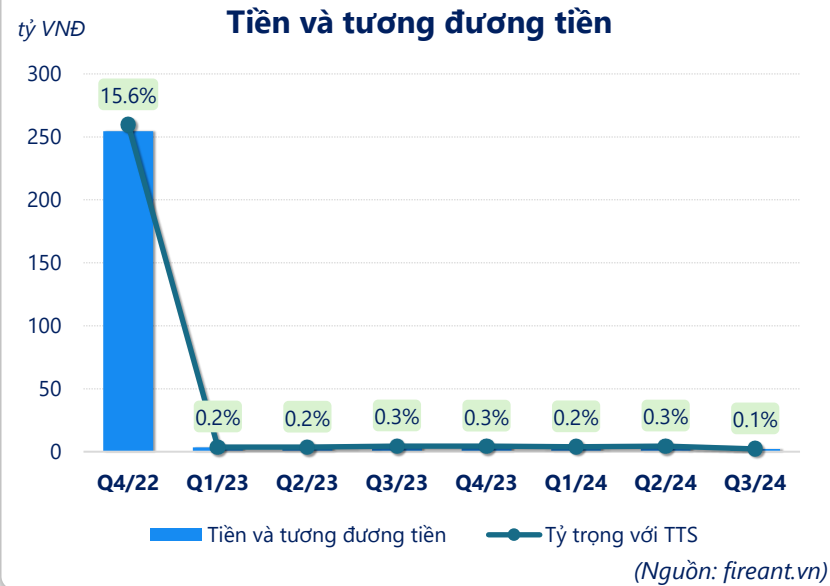
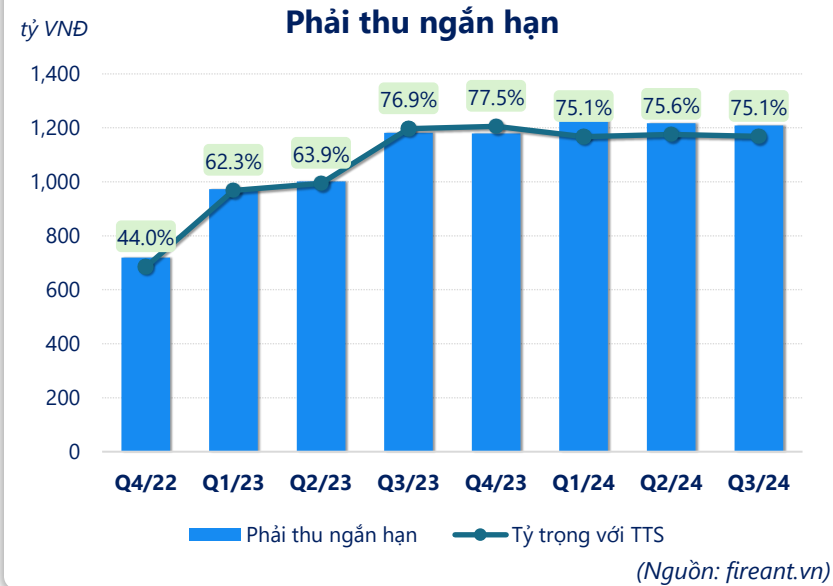
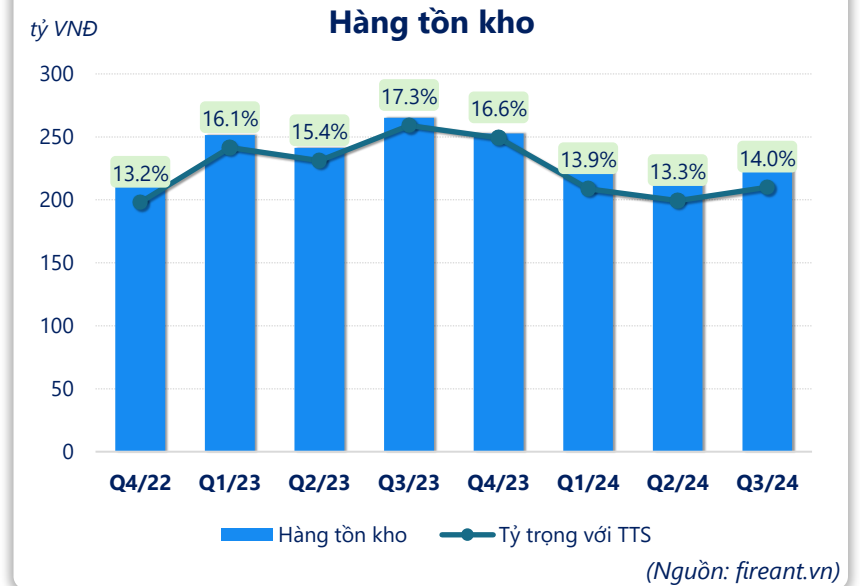
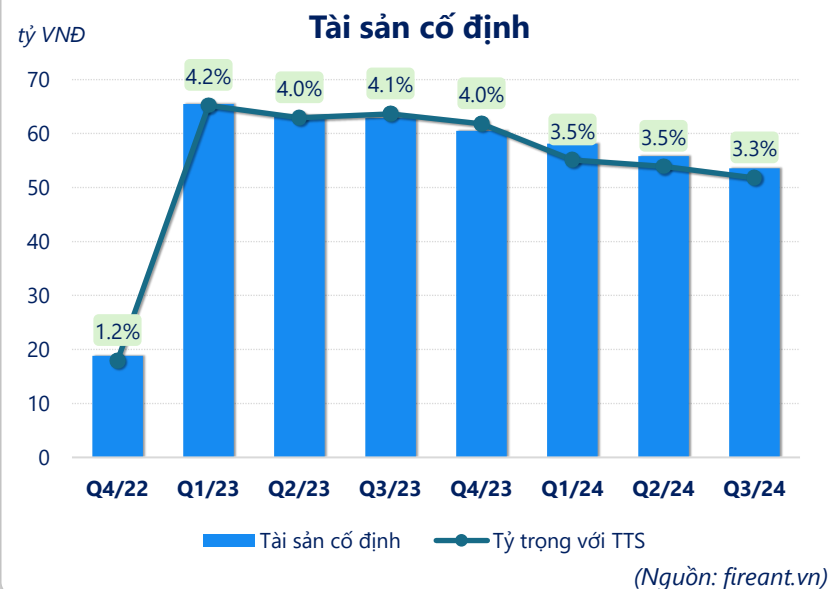
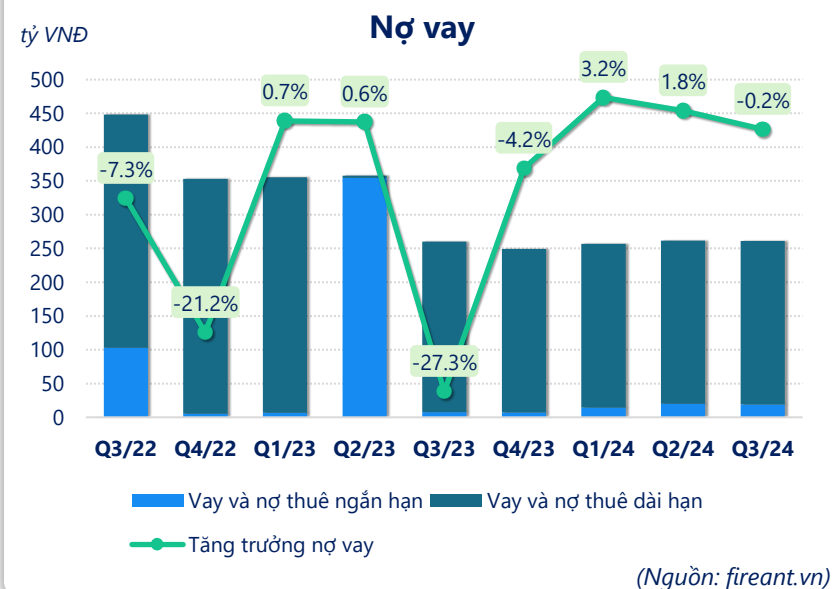
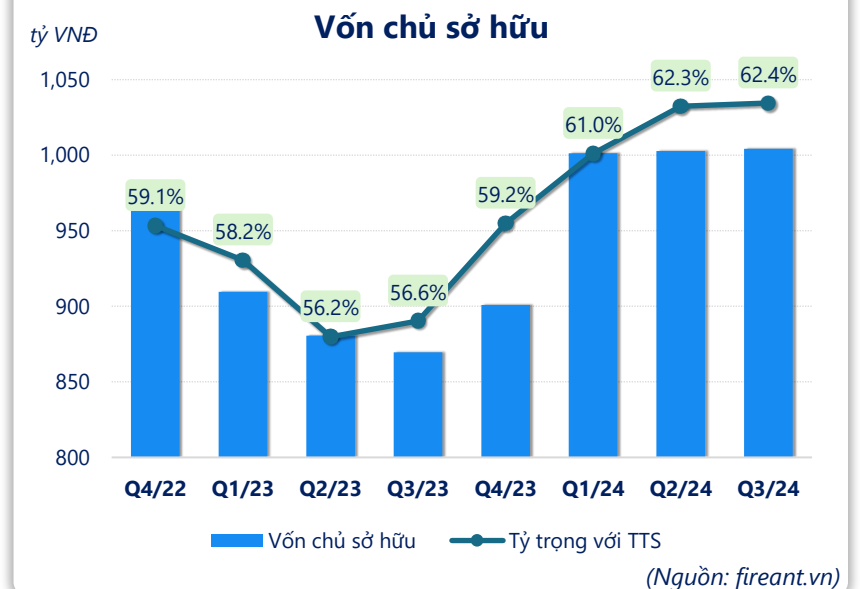
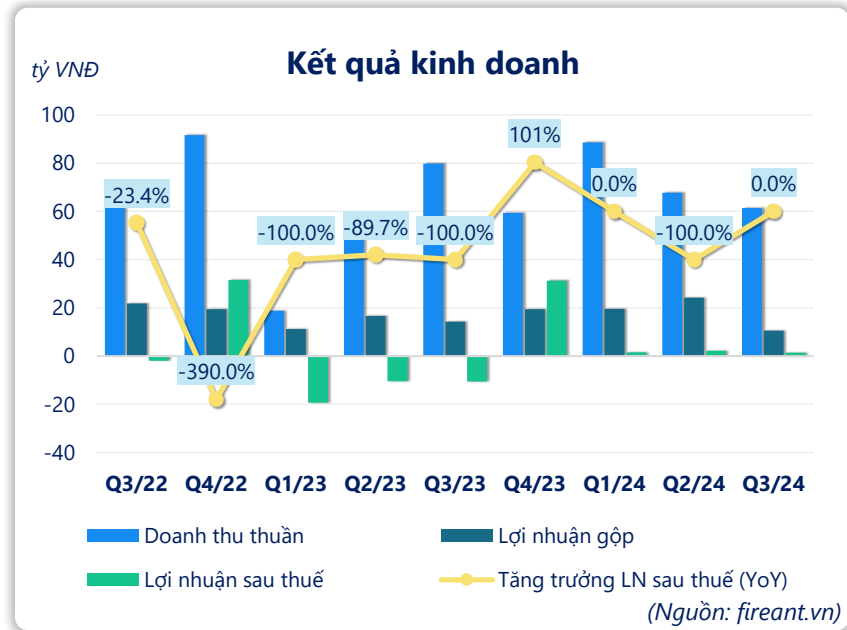
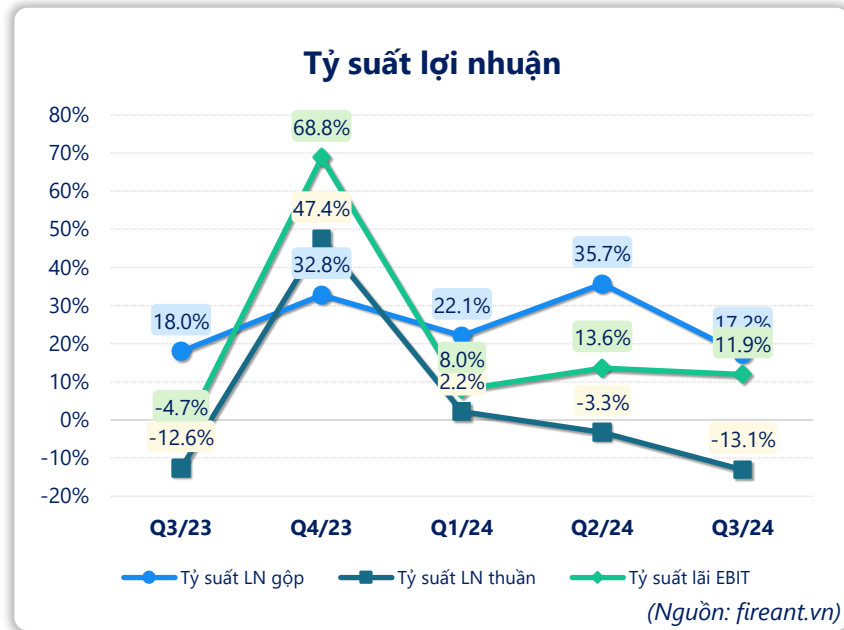
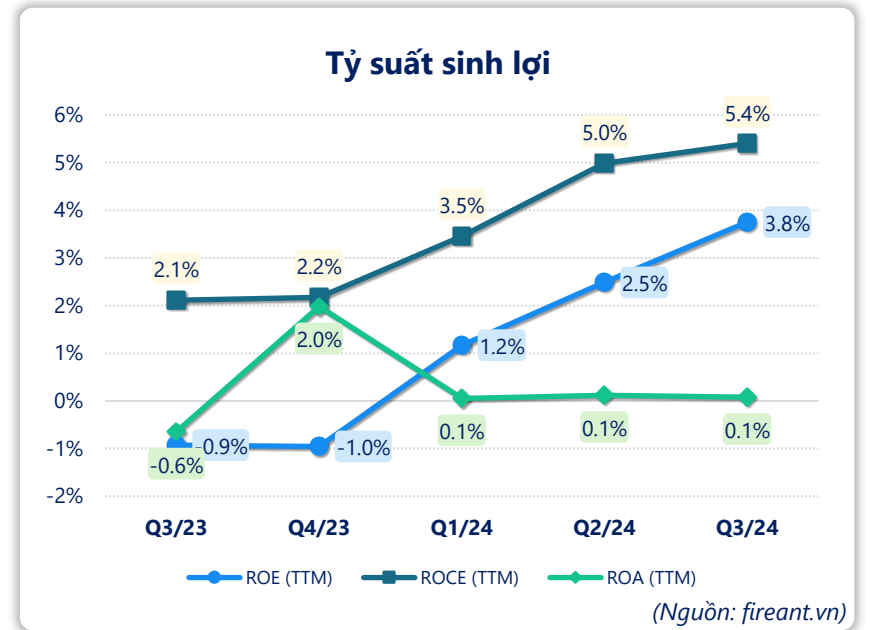
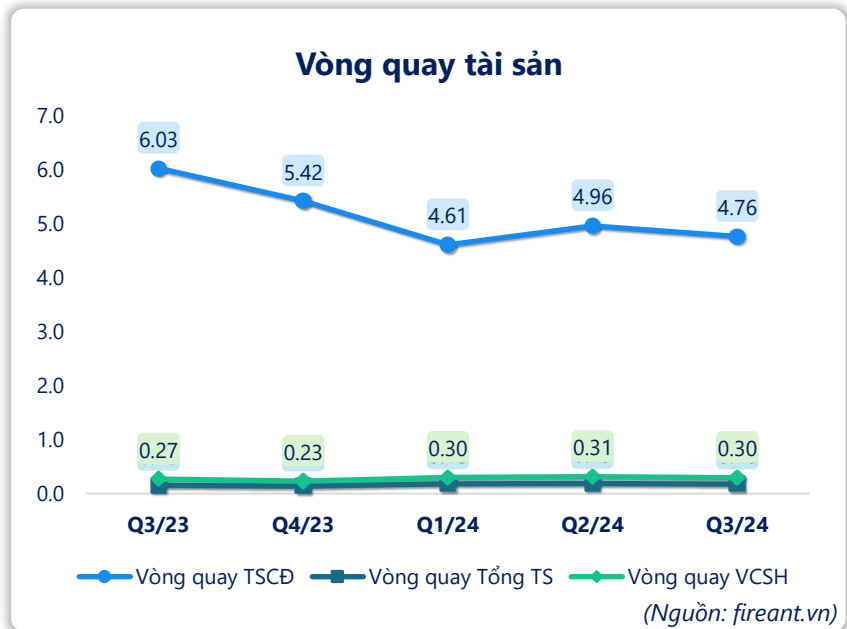
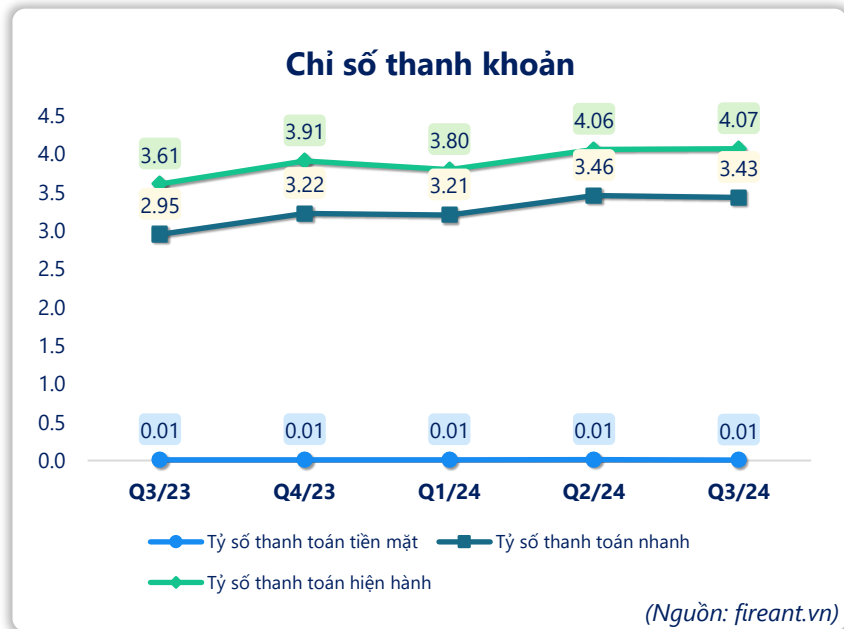
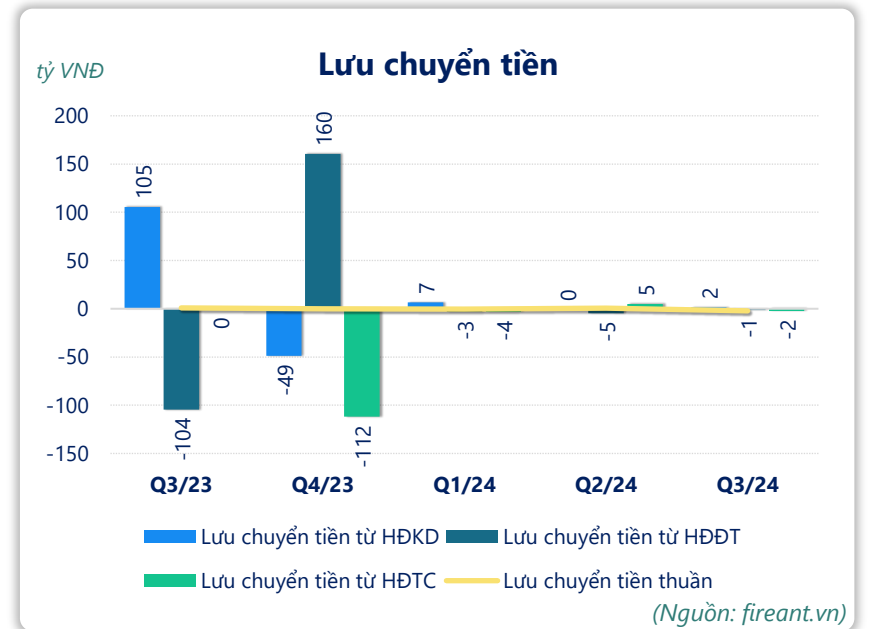


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		6,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		316,355
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		521
P/E		14.8
EPS		445

	YTD	1T	3T	6T
DGT	20.0%	-7.0%	-5.7%	4.8%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,610	1,607	0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,442	1,426	1.1%
Tiền và tương đương tiền	2.13	4.01	-46.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,209	1,164	3.8%
Hàng tồn kho	225	255	-11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	6.04	3.07	96.6%
Tài sản dài hạn	167	180	-7.2%
Phải thu dài hạn	6.94	6.15	12.9%
Tài sản cố định	53.6	60.5	-11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.9	9.93	39.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	93.0	104	-10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	606	607	-0.3%
Nợ ngắn hạn	354	356	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.1	18.6	2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	162	181	-10.7%
Nợ dài hạn	251	252	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	242	241	0.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,004	999	0.5%
Vốn chủ sở hữu	1,004	999	0.5%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	79.8	59.4	88.6	67.8	61.4
Giá vốn hàng bán	65.4	39.9	69.0	43.6	50.8
Lợi nhuận gộp	14.3	19.5	19.6	24.2	10.6
Doanh thu HĐTC	1.81	57.0	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	8.68	11.9	6.77	6.89	6.06
Chi phí lãi vay	6.44	9.58	5.60	6.89	5.99
LN trong công ty LKLD	-0.03	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.32	12.4	7.66	12.9	8.23
Chi phí QLDN	12.2	24.0	3.20	6.59	4.29
LN thuần từ HĐKD	-10.1	28.2	1.96	-2.23	-8.03
Lợi nhuận khác	-0.08	3.10	-0.46	4.54	9.37
LN trước thuế	-10.2	31.3	1.49	2.31	1.34
Lợi nhuận sau thuế	-10.5	31.2	1.49	2.16	1.34
LNST của CĐ cty mẹ	-10.5	31.2	0.83	1.87	1.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	105	-48.8	6.72	0.46	1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-104	160	-3.42	-4.78	-1.31
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.13	-112	-3.52	4.86	-2.42
Tiền đầu kỳ	3.34	4.19	4.01	3.78	4.32
Lưu chuyển tiền thuần	0.86	-0.18	-0.23	0.54	-2.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.19	4.01	3.78	4.32	2.13

(Nguồn: fireant.vn)